

NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN THÔNG QUA VIỆC SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO CÓ TRÁCH NHIỆM TRONG MÔ HÌNH HỌC TẬP KẾT HỢP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Lê Thị Thuý Nga¹

Email: nga lethuy@dhcd.edu.vn. ORCID: 0009-0002-1197-214X

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 16/02/2026

Ngày phản biện đánh giá: 17/04/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 14/05/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1202

Tóm tắt: Trong kỷ nguyên số, mô hình học tập kết hợp (Blended Learning) tại Trường Đại học Mở Hà Nội đòi hỏi người học phải có năng lực tự học cao để thích ứng với sự thay đổi của công nghệ. Bài viết phân tích vai trò của trí tuệ nhân tạo (AI) như một tác nhân thúc đẩy năng lực tự học có định hướng. Thông qua phương pháp nghiên cứu tổng hợp lý thuyết kết hợp khảo sát thực trạng trên 200 sinh viên vào tháng 03/2026, nghiên cứu làm rõ ranh giới giữa việc khai thác công cụ công nghệ và việc đảm bảo đạo đức học thuật. Kết quả cho thấy AI đóng vai trò là “mắt xích” kết nối giữa việc tự nghiên cứu học liệu số và vận dụng kiến thức vào thảo luận trực tiếp. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất hệ thống giải pháp xây dựng môi trường khai thác AI an toàn, trách nhiệm, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại Nhà trường trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện.

Từ khóa: AI có trách nhiệm, học tập kết hợp, đạo đức học thuật, kỹ năng số, tự học có định hướng

I. Đặt vấn đề

Trường Đại học Mở Hà Nội (HOU) với triết lý “Mở cơ hội - Mở trái tim - Mở trí tuệ - Mở tầm nhìn - Mở tương lai” đã khẳng định vị thế là đơn vị tiên phong trong đào tạo mở và từ xa tại Việt Nam. Trong chiến lược phát triển đến năm 2030, Nhà trường xác định chuyển đổi số là động lực then chốt để nâng cao chất lượng đào tạo. Mô hình Blended Learning (học tập kết hợp) đã trở thành hình thức giáo dục chủ đạo, nơi mà sự tương tác trực tiếp giữa giảng

viên và sinh viên được cộng hưởng với sự linh hoạt của nền tảng trực tuyến (LMS).

Tuy nhiên, sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative AI) như ChatGPT, Gemini hay Claude đã làm thay đổi hoàn toàn cách thức tiếp cận thông tin. Đối với sinh viên HOU, AI vừa là một “trợ lý học tập” đắc lực giúp giải quyết khối lượng học liệu khổng lồ, nhưng đồng thời cũng là “con dao hai lưỡi” đe dọa đến tính liêm chính học thuật và làm xói mòn khả năng tư duy độc lập nếu không được

¹ Trường Đại học Công đoàn, Hà Nội, Việt Nam

sử dụng đúng cách. Nâng cao năng lực tự học có định hướng gắn liền với việc sử dụng AI có trách nhiệm không chỉ là yêu cầu về kỹ năng số, mà còn là đạo đức nghề nghiệp của người học trong kỷ nguyên mới. Mặc dù AI trong giáo dục đã được nghiên cứu rộng rãi, bài viết này tập trung vào 3 nội dung cốt lõi: (1) Vai trò của AI như ‘mắt xích’ kết nối trực tuyến và trực tiếp trong mô hình Blended Learning đặc thù tại HOU; (2) Sự chuyển dịch từ việc dùng AI như công cụ kỹ thuật sang tác nhân thúc đẩy năng lực tự học có định hướng; (3) Cụ thể hóa khung đạo đức qua khái niệm ‘Sử dụng AI có trách nhiệm’ dựa trên dữ liệu thực chứng thay vì các thảo luận chung chung.

II. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm AI có trách nhiệm

Trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo (AI) bùng nổ, AI có trách nhiệm không chỉ là việc sử dụng công cụ hiệu quả mà là một hệ thống các nguyên tắc nhằm đảm bảo rằng sự phát triển và ứng dụng AI phải hướng tới lợi ích của con người, đảm bảo tính bền vững và liêm chính. Theo các khung hướng dẫn quốc tế từ UNESCO (2021) và OECD (2019), AI có trách nhiệm trong giáo dục đại học được xác lập dựa trên bốn trụ cột nguyên tắc sau:

- *Tính minh bạch và khả năng giải thích*: Nguyên tắc này đòi hỏi các hệ thống AI và cách thức vận dụng chúng phải có thể hiểu được và truy xuất được. Trong giáo dục, tính minh bạch nghĩa là người học cần hiểu rõ cơ chế mà AI tạo ra kết quả, nhận diện được nguồn dữ liệu và các rủi ro về định kiến tiềm ẩn. Sự minh bạch giúp ngăn chặn việc

chấp nhận thông tin một cách thụ động, thúc đẩy người học duy trì thái độ hoài nghi khoa học cần thiết.

- *Khả năng giải trình và liêm chính học thuật*: AI có trách nhiệm nhấn mạnh rằng con người, cụ thể là giảng viên và sinh viên phải là thực thể chịu trách nhiệm cuối cùng về các quyết định hoặc sản phẩm được tạo ra có sự hỗ trợ của công nghệ. Trong bối cảnh học thuật, khả năng giải trình gắn liền với việc trích dẫn rõ ràng, trung thực về mức độ tham gia của AI trong quá trình nghiên cứu, đảm bảo rằng công nghệ chỉ là phương tiện hỗ trợ cho tư duy độc lập của người học.

- *Tính công bằng và bao trùm*: AI có trách nhiệm phải đảm bảo không tạo ra hoặc củng cố các rào cản về cơ hội tiếp cận tri thức. Điều này bao gồm việc ngăn chặn các thuật toán gây ra sự phân biệt đối xử về giới tính, sắc tộc hoặc trình độ kinh tế. Trong giáo dục, nguyên tắc này đòi hỏi việc thiết kế các công cụ trợ giúp phải phù hợp với sự đa dạng của người học, đảm bảo AI trở thành tác nhân thu hẹp khoảng cách số thay vì tạo ra sự bất bình đẳng mới.

- *Quản trị bởi con người và hỗ trợ tư duy*: Hệ thống AI phải được thiết kế để hỗ trợ và tăng cường năng lực con người chứ không phải thay thế. Dưới góc độ sư phạm, AI đóng vai trò là “giàn giáo kỹ thuật số” hỗ trợ người học trong vùng phát triển gần nhất. AI có trách nhiệm yêu cầu duy trì quyền tự chủ của người học; công nghệ cung cấp dữ liệu và cấu trúc, nhưng con người thực hiện các thao tác tư duy bậc cao như phân biện, tổng hợp và đánh giá giá trị đạo đức của tri thức.

Tóm lại, AI có trách nhiệm không phải là một tập hợp các quy định cứng nhắc, mà là một hướng tiếp cận tích cực để tối ưu hóa tiềm năng của trí tuệ nhân tạo. Việc xác lập khái niệm này làm nền tảng lý luận giúp người học định vị đúng vai trò của mình trong mối quan hệ tương tác giữa người và máy, từ đó thúc đẩy năng lực tự chủ và sự phát triển bền vững của tư duy học thuật trong môi trường số.

2.2. Năng lực tự học trong kỷ nguyên số

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, năng lực tự học không còn bó hẹp trong việc người học tự đọc tài liệu hay tự nghiên cứu độc lập. Đây là một cấu trúc năng lực phức hợp, đòi hỏi sự chủ động trong việc kiểm soát lộ trình tri thức trong một môi trường học tập không biên giới, nơi ranh giới giữa thực và ảo, giữa trí tuệ con người và trí tuệ nhân tạo ngày càng đan xen. Năng lực tự học trong kỷ nguyên số có thể được cụ thể hóa qua 4 thành phần cốt lõi sau:

Khả năng thiết lập mục tiêu và cá nhân hóa lộ trình học tập số: Trong môi trường truyền thống, mục tiêu thường do chương trình đào tạo áp đặt. Tuy nhiên, trong kỷ nguyên số, người học tự chủ phải có khả năng phân tích sự thiếu hụt kiến thức của bản thân để thiết lập các mục tiêu học tập cụ thể. Điều này bao gồm việc lựa chọn các nền tảng số phù hợp và xác định các công cụ AI đóng vai trò là “giàn giáo kỹ thuật số” để hỗ trợ quá trình chiếm lĩnh tri thức thay vì thay thế nó.

Quản trị tài nguyên tri thức và sự tương tác giữa người và máy: Kỷ nguyên số tạo ra một sự bùng nổ thông tin. Năng lực tự học hiện nay bao gồm kỹ năng “quản trị sự chú ý” và “giám định dữ liệu”. Người học không chỉ tìm kiếm thông tin mà phải biết cách thẩm định tính xác thực của các nội dung do AI tạo ra (tránh hiện tượng “ảo giác AI”). Sự tương tác ở đây là một quá trình đối thoại tích cực: người học đưa ra vấn đề, AI cung cấp dữ liệu, và người học thực hiện các thao tác tư duy bậc cao (phân tích, tổng hợp) để biến dữ liệu thành kiến thức cá nhân.

Tự giám sát và điều chỉnh hành vi học tập: Đây là khả năng thực hiện các tiến trình “siêu nhận thức” tức là suy nghĩ về chính quá trình tư duy của mình. Trong mô hình Blended Learning, người học phải tự giám sát mức độ tiến bộ của mình trên các nền tảng trực tuyến, nhận diện khi nào mình đang bị lệ thuộc quá mức vào công cụ và chủ động điều chỉnh chiến lược học tập. Khả năng này giúp người học duy trì sự tập trung và tính kỷ luật trong một môi trường có quá nhiều tác nhân gây nhiễu kỹ thuật số.

Đánh giá, phản tư và xác lập giá trị học thuật: Năng lực tự học cuối cùng thể hiện ở khả năng tự đánh giá kết quả học tập. Người học không chỉ dựa vào điểm số từ hệ thống mà phải biết phản tư về giá trị của những gì đã học. Trong mối quan hệ với AI, đây là bước xác lập tính liêm chính: người học phải chứng minh được giá trị sáng tạo cá nhân trong các sản phẩm học tập, biết cách sử dụng AI để phản biện lại các giả thuyết của chính mình, từ đó nâng cao chất lượng tư duy độc lập.

Như vậy, năng lực tự học trong kỷ nguyên số là một tiến trình mà người học đóng vai trò là kiến trúc sư cho lộ trình tri thức của chính mình. AI không phải là thực thể làm thay, mà là một “đối tác cộng tác” giúp tối ưu hóa khả năng tự chủ, miễn là người học làm chủ được các nguyên tắc đạo đức và kỹ thuật trong quá trình tương tác.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp, trọng tâm là khảo sát định lượng để thu thập và phân tích dữ liệu thực chứng.

3.1. Đối tượng và mẫu nghiên cứu

Khảo sát được thực hiện trên N = 200 sinh viên đang theo học mô hình Blended Learning tại Trường Đại học Mở Hà Nội (tháng 03/2026). Nghiên cứu áp dụng kỹ thuật chọn mẫu phân tầng theo năm học và khối ngành để đảm bảo tính đại diện và độ tin cậy cho các phân tích so sánh.

3.2. Thang đo và công cụ thu thập

Dữ liệu được thu thập qua bảng hỏi trực tuyến với thang đo Likert 5 mức độ. Khung khảo sát kế thừa thang đo năng lực tự học của Garrison (1997) và các nguyên tắc AI có trách nhiệm của UNESCO (2021). Các nhóm biến chính bao gồm: (1) Nhận thức đạo đức AI; (2) Kỹ năng tương tác người - máy; (3) Mức độ tự chủ trong lộ trình học tập số.

3.3. Xử lý và phân tích dữ liệu

Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0 thông qua các bước:

- Đánh giá độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha (yêu cầu > 0,7\$).

- Phân tích nhân tố khám phá (EFA) để cấu trúc hóa các nhân tố ảnh hưởng.

- Phân tích tương quan Pearson và hồi quy tuyến tính để làm rõ mối quan hệ tác động giữa việc sử dụng AI có trách nhiệm và hiệu quả phát triển năng lực tự học của sinh viên.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng sử dụng AI của sinh viên Trường Đại học Mở Hà Nội

Để có cái nhìn khách quan về mức độ tích hợp công nghệ vào quá trình tự học, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát định lượng trên mẫu 200 sinh viên tại HOU. Kết quả thu được phản ánh một bức tranh sinh động về sự giao thoa giữa nhu cầu học tập truyền thống và các công cụ hỗ trợ hiện đại.

4.1.1. Mức độ phổ biến và sự sẵn sàng công nghệ

Kết quả khảo sát cho thấy một con số ấn tượng: 92% sinh viên phản hồi rằng họ thường xuyên sử dụng ít nhất một công cụ AI (phổ biến nhất là ChatGPT, Gemini và các công cụ dịch thuật thông minh) để hỗ trợ các hoạt động học tập hàng ngày. Điều này chứng minh rằng sinh viên HOU những “công dân số” đã có sự nhạy bén và khả năng thích ứng rất nhanh với các xu hướng công nghệ mới. Việc sử dụng AI không còn là một lựa chọn mang tính trải nghiệm mà đã trở thành một phần tất yếu trong hệ sinh thái học tập của người học.

4.1.2. Mục đích sử dụng AI của sinh viên

Dữ liệu khảo sát chi tiết về các nhóm nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên thường xuyên khai thác AI được tổng hợp tại Bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng các nhóm nhiệm vụ sinh viên ưu tiên sử dụng AI hỗ trợ

STT	Nhóm nhiệm vụ sử dụng AI	Tỷ lệ (%)	Vai trò hỗ trợ chính trong học tập
1	Giải thích và làm rõ khái niệm	85%	Đóng vai trò “trợ giảng 24/7”, giúp giải quyết tức thì các thuật ngữ chuyên ngành phức tạp khi tự học trên LMS.
2	Tóm tắt và hệ thống hóa tài liệu	72%	Công cụ quản trị thông tin, giúp trích xuất luận điểm chính từ khối lượng học liệu lớn (PDF, video, bài đọc).
3	Gợi ý cấu trúc và ý tưởng bài viết	65%	“Cộng sự khởi tạo tư duy”, hỗ trợ xây dựng dàn ý và tìm hướng tiếp cận mới cho tiểu luận, bài tập nhóm.

Số liệu tại Bảng 1 cho thấy một xu hướng rõ rệt trong việc ứng dụng AI để tối ưu hóa quy trình tự học. Với tỷ lệ cao nhất là 85% cho việc giải thích khái niệm, có thể thấy AI đã lấp đầy khoảng trống thời gian giữa việc tự nghiên cứu học liệu số và các buổi thảo luận trực tiếp.

Giải thích và làm rõ khái niệm (85%): Đây là tỷ lệ cao nhất, điều này cho thấy AI đang đóng vai trò như một “trợ giảng 24/7”. Trong mô hình Blended Learning, khi tự nghiên cứu học liệu số trên LMS, sinh viên thường gặp phải các thuật ngữ chuyên ngành phức tạp. Thay vì phải chờ đến giờ thảo luận trực tiếp, sinh viên chọn cách truy vấn AI để nhận được các diễn giải đơn giản, đa chiều, giúp “phá băng” kiến thức ngay tức thì.

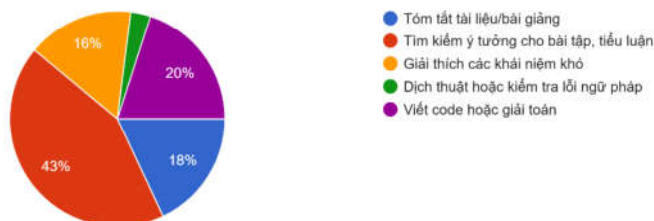
Tóm tắt và hệ thống hóa tài liệu (72%): Với đặc thù đào tạo mở, khối lượng học liệu (video, file PDF, bài đọc)

(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 03/2026) thường rất lớn. Sinh viên sử dụng AI để trích xuất các luận điểm chính, giúp tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả quản trị thông tin.

Gợi ý cấu trúc và ý tưởng bài viết (65%): AI được khai thác như một cộng sự trong giai đoạn khởi tạo tư duy. Sinh viên thường yêu cầu AI xây dựng dàn ý cho bài tiểu luận hoặc gợi ý các hướng tiếp cận mới cho bài tập nhóm, từ đó giúp vượt qua rào cản “trang giấy trắng” trong quá trình sáng tạo học thuật.

Để nhận diện rõ nét hơn về ‘trọng tâm chiến lược’ trong việc khai thác công nghệ, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát về mục đích ưu tiên hàng đầu của người học. Kết quả tại hình dưới cho thấy một sự dịch chuyển quan trọng từ việc sử dụng AI như một công cụ tra cứu thụ động sang vai trò cộng sự hỗ trợ tư duy sáng tạo

Mục đích chính của bạn khi sử dụng AI trong học tập là gì?
200 câu trả lời



Hình 1: Tỷ trọng các mục đích ưu tiên hàng đầu khi sử dụng AI của sinh viên HOU

(Nguồn: Kết quả khảo sát 200 sinh viên tại Trường Đại học Mở Hà Nội, 03/2026)

Qua kết quả khảo sát về mục đích sử dụng AI của 200 sinh viên tại Trường Đại học Mở Hà Nội cho thấy một bức tranh đa dạng về cách thức tiếp cận công nghệ theo lộ trình phát triển năng lực của người học cho thấy:

Mục đích ưu tiên thứ nhất của sinh viên khi tìm đến AI là “Tìm kiếm ý tưởng cho bài tập, tiểu luận”, chiếm tỷ trọng cao nhất với 43,4%. Đáng chú ý, có một sự chuyển dịch rõ rệt theo thời gian đào tạo: Sinh viên năm thứ nhất chỉ có 28,8% sử dụng AI cho mục đích này, nhưng đối với sinh viên năm thứ tư là 57,6%. Điều này cho thấy khi khối lượng kiến thức chuyên ngành và yêu cầu về các bài nghiên cứu cuối khóa tăng lên, sinh viên cuối khóa có xu hướng tận dụng AI như một công cụ hỗ trợ tư duy chiến lược và phát triển ý tưởng sáng tạo thay vì chỉ dừng lại ở việc tra cứu đơn thuần.

Nhóm mục đích tiếp theo bao gồm “Viết code hoặc giải toán” (19,9%) và “Tóm tắt tài liệu/bài giảng” (18,4%). Khả năng viết mã nguồn và giải quyết các bài toán kỹ thuật tăng mạnh từ năm nhất (11,2%) lên năm tư (28,8%). Kết quả này phản ánh đặc thù của nhóm sinh viên khối ngành Kỹ thuật và Công nghệ tại Trường Đại học Mở Hà Nội, nơi AI đang thực sự trở thành một “cộng sự kỹ thuật” giúp giảm tải các tác vụ tính toán phức tạp.

Bên cạnh đó, việc sử dụng AI để “Giải thích các khái niệm khó” chiếm 15,3% tổng thể. Tuy nhiên, xu hướng này lại tỷ lệ nghịch với số năm học: Sinh viên năm nhất sử dụng cao nhất với 23,2%, nhưng đến năm thứ tư, nhu cầu này chỉ còn 8,0%. Đây là minh chứng cho việc sinh viên năm đầu còn bỡ ngỡ với

thuật ngữ chuyên ngành nên cần AI “giản lược hóa” tri thức. Trong khi đó, sinh viên cuối khóa đã hình thành nền tảng lý luận vững chắc và có kỹ năng tự nghiên cứu học liệu số của Nhà trường nên ít phụ thuộc vào AI trong việc giải thích khái niệm.

Kết quả khảo sát cho thấy một sự phân hóa rõ rệt giữa mức độ tiếp cận công cụ và trọng tâm ưu tiên thực tế của người học. Cần có sự phân biệt giữa tỷ lệ 85% sinh viên khẳng định từng sử dụng AI để giải thích khái niệm (đo lường tính phổ biến qua câu hỏi chọn nhiều đáp án) và con số 15,3% chọn đây là mục đích ưu tiên hàng đầu (đo lường trọng tâm qua câu hỏi chọn một đáp án). Sự chênh lệch này minh chứng cho việc sinh viên HOU đang sử dụng AI có chiến lược: họ coi việc giải thích khái niệm chỉ là ‘bước đệm’ kỹ thuật để nắm bắt lý thuyết, trong khi dành phần lớn sự tập trung vào các tác vụ mang tính kiến tạo cao hơn như tìm kiếm ý tưởng (43,4%). Điều này phản ánh năng lực quản trị công cụ số, khi người học chủ động phân bổ AI vào những công đoạn đòi hỏi hỗ trợ tư duy mạnh mẽ nhất.”

4.2. Vai trò của AI trong chu trình tự học theo mô hình *Blended Learning*

Trong hệ sinh thái học tập kết hợp tại Trường Đại học Mở Hà Nội, AI không đóng vai trò thay thế tư duy của người học mà vận hành như một “mắt xích” kỹ thuật số chiến lược, giúp tối ưu hóa cả hai không gian trực tuyến và trực tiếp. Quá trình tự học của sinh viên dưới sự hỗ trợ của AI được thể hiện rõ nét qua ba giai đoạn:

Giai đoạn chuẩn bị theo kết quả khảo sát cho thấy có tới 85% sinh viên

sử dụng AI để giải thích các thuật ngữ chuyên ngành khó và 72% dùng để tóm tắt các tài liệu dài. AI giúp người học “phá băng” các nội dung phức tạp; thay vì tiêu tốn nhiều giờ để đọc 50 trang tài liệu thô, sinh viên sử dụng AI để trích xuất 5-7 luận điểm cốt lõi. Việc nắm bắt nhanh khung lý thuyết giúp sinh viên bước vào giờ học trực tiếp với một tâm thế chủ động, giảm thiểu tình trạng “ngợp” kiến thức.

Giai đoạn tương tác sinh viên đã có sự hỗ trợ của AI để chuẩn bị kiến thức nền tảng, các giờ học tại giảng đường (hoặc qua Zoom/Teams) không còn là nơi giảng viên độc thoại truyền thụ kiến thức một chiều. Sinh viên có những câu hỏi phát sinh, những góc nhìn phản biện từ quá trình làm việc với AI trước đó để tranh luận cùng giảng viên và bạn bè. Điều này chuyển đổi lớp học từ không gian “truyền thụ kiến thức” sang không gian “phản biện kiến thức”, nơi giảng viên đóng vai trò trọng tài tri thức và định hướng tư duy.

Giai đoạn củng cố và tự đánh giá, sinh viên không còn phải chờ đến kỳ thi mới biết mình hỏng kiến thức ở đâu. Thông qua việc yêu cầu AI thiết kế các câu đố (quiz) hoặc tình huống thực hành dựa trên nội dung bài giảng, người học có thể tự kiểm tra năng lực ngay lập tức. Phản hồi tức thời từ AI giúp duy trì mạch học tập liên tục, giúp sinh viên tự điều chỉnh lộ trình tự học của mình một cách hiệu quả nhất.

Như vậy, AI không chỉ là một công cụ tra cứu đơn thuần mà đóng vai trò là “mắt xích” kết nối quan trọng giữa

hai pha của mô hình học tập kết hợp. Những rào cản về việc phản hồi chậm từ giảng viên hoặc bạn học thì nay AI đã giải quyết bài toán này bằng khả năng hỗ trợ tức thời, tháo gỡ các nút thắt về khái niệm ngay tại thời điểm phát sinh nhu cầu. Nhờ có sự hỗ trợ của AI, sinh viên bước vào các giờ thảo luận trực tiếp với tâm thế chủ động hơn, tập trung vào các hoạt động tư duy bậc cao như phản biện, giải quyết tình huống và sáng tạo tri thức. Sự kết nối này cho thấy AI giúp chuyển dịch trọng tâm của Blended Learning: từ việc “học trực tuyến để biết” sang “học trực tuyến để sẵn sàng cho thảo luận sâu”, từ đó tối ưu hóa toàn bộ tiến trình sư phạm tại Nhà trường.

4.3. Thách thức về đạo đức học thuật và an toàn số trong sử dụng AI

Mặc dù mang lại hiệu suất cao, nhưng việc lạm dụng AI cũng bộc lộ những lỗ hổng nghiêm trọng về tính liêm chính và năng lực thẩm định tri thức của người học, đó là:

Hiện tượng “Ảo giác AI” và rủi ro sai lệch tri thức: Một thách thức lớn nhất đối với sinh viên là hiện tượng AI tự sáng tác thông tin. Mặc dù 59,5% sinh viên khẳng định có kiểm chứng lại kết quả, nhưng thực tế cho thấy nhiều sinh viên vẫn gặp khó khăn trong việc phân biệt giữa các nguồn tài liệu thực và các nguồn tài liệu do AI giả lập. Việc trích dẫn sai nguồn hoặc sử dụng các số liệu không có thật trong các bài tiểu luận không chỉ gây tổn hại đến giá trị khoa học mà còn tạo ra thói quen cầu thả trong nghiên cứu.

Bảng 2: Thực trạng sự thay đổi thói quen tự học và mức độ lệ thuộc vào AI

Đối tượng	Có, chủ động hơn (%)	Có, nhưng bị lệ thuộc (%)	Không thay đổi (%)
Tổng thể (200 SV)	60,7	30,1	9,2
Sinh viên Năm 1	50,0	42,0	8,0
Sinh viên Năm 4	72,8	19,2	8,0

Thông qua bảng 2 cho thấy, tỷ lệ lệ thuộc vào AI cao nhất nằm ở nhóm sinh viên năm thứ nhất (42,0%) xuất phát từ việc chưa hình thành phương pháp nghiên cứu độc lập và nền tảng kiến thức chuyên ngành vững chắc, sinh viên mới có xu hướng “ủy thác” tư duy cho AI. Khi AI trả lời thay, viết thay, người học dần mất đi khả năng phê phán, dẫn đến việc vi phạm đạo đức học thuật một cách vô thức (như nộp bài do AI viết mà không qua chỉnh sửa). Điều này cần tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề về ‘Đạo đức AI’ ngay từ tuần sinh hoạt công dân đầu khóa để giúp tân sinh viên xác định đúng thái độ với công nghệ, tránh việc rơi vào cái bẫy của sự tiện lợi nhất thời. Nhưng sinh viên năm thứ tư lại có tỷ lệ chủ động rất cao (72,8%) và mức độ lệ thuộc thấp nhất (19,2%). Bên cạnh những tác động tích cực trong việc thúc đẩy tương tác, kết quả khảo sát cũng chỉ ra một thực trạng đáng quan ngại về nguy cơ lệ thuộc vào công nghệ của người học. Dữ liệu thống kê tại bảng trên cho thấy, có tới 42,0% sinh viên năm thứ nhất thừa nhận việc sử dụng AI đôi khi dẫn đến tình trạng lười tư duy và có xu hướng phụ thuộc hoàn toàn vào các nội dung gợi ý sẵn có. Con số này cao hơn đáng kể so với mức lệ thuộc trung bình của toàn mẫu (30,1%) và tạo ra khoảng cách lớn khi so sánh với sinh viên năm thứ tư (19,2%). Lý do sinh viên năm nhất có tỷ lệ lệ thuộc AI

(Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả, 03/2026) cao (42,0%) là do “khoảng cách tri thức” và thiếu phương pháp học đại học. Trong khi sinh viên năm cuối (19,2%) sử dụng AI như một “đối tác phản biện” nhờ đã hình thành được khung tri thức chuyên ngành vững. Điều này khẳng định rằng, nếu được trang bị lộ trình rèn luyện đúng đắn, sinh viên sẽ dần chuyển hóa AI từ một công cụ ‘chép bài’ thành một cộng sự hỗ trợ tư duy có kiểm soát, góp phần bảo đảm tính liêm chính trong môi trường giáo dục số

Như vậy, từ những con số trên đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với Trường Đại học Mở Hà Nội trong việc xây dựng các quy định rõ ràng về việc sử dụng AI. Nhà trường cần xác lập ranh giới giữa việc “sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ” và “đạo văn do máy”. Việc minh bạch hóa quá trình sử dụng AI trong các sản phẩm học thuật cần trở thành một yêu cầu bắt buộc, đi kèm với các công cụ kiểm soát đạo văn hiện đại có khả năng nhận diện nội dung tạo bởi AI. Điều này không chỉ bảo vệ giá trị bằng cấp của Nhà trường mà còn giúp sinh viên hình thành thái độ trách nhiệm đối với tri thức trong kỷ nguyên số.

V. Giải pháp thúc đẩy năng lực tự học và sử dụng AI có trách nhiệm

Dựa trên những phân tích về thực trạng và thách thức đã nêu, bài viết đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm

xây dựng một hệ sinh thái học tập kết hợp bền vững, nơi AI đóng vai trò là tác nhân cộng sinh thay vì thay thế con người.

5.1. Xây dựng khung quản trị đạo đức và chuẩn hóa trích dẫn AI

Giải pháp này nhằm xác lập “hành lang pháp lý học thuật”, giúp sinh viên khai thác AI mà không vi phạm liên chính.

Xây dựng bộ quy tắc đạo đức sử dụng AI dành cho sinh viên

Bắt buộc phải công khai việc có sử dụng AI trong quá trình thực hiện bài tập/nghiên cứu. Phải mô tả rõ mục đích sử dụng (ví dụ: gợi ý ý tưởng, kiểm tra ngữ pháp, tóm tắt tài liệu).

Sản phẩm nộp cuối cùng phải thể hiện được sự phân tích, tổng hợp và tư duy phản biện cá nhân. Tuyệt đối không sao chép nguyên văn kết quả từ AI mà không qua xử lý.

Phải có bước đối soát độc lập với các nguồn tài liệu chính thống trước khi đưa vào bài viết.

Hướng dẫn trích dẫn sản phẩm AI theo chuẩn APA 7th

Do AI không phải là người, chuẩn APA 7th quy định trích dẫn dựa trên thực thể tạo ra phần mềm đó (ví dụ: OpenAI, Google).

Trích dẫn trong văn bản

Định dạng: (Tên nhà phát triển, Năm).

Ví dụ: “Khi được yêu cầu tóm tắt về lý thuyết thặng dư, Chat GPT đã đưa ra định nghĩa...” (OpenAI, 2024).

Trích dẫn trong Danh mục tham khảo

Cấu trúc: Tên nhà phát triển. (Năm). Tên công cụ (Phiên bản) [Loại mô hình]. URL

Ví dụ: OpenAI. (2024). *ChatGPT* (Mô hình GPT-40). <https://chat.openai.com> Google. (2024). *Gemini* (Phiên bản 1.5 Pro). <https://gemini.google.com>

Phụ lục minh chứng: Để tăng tính minh bạch, nhà trường yêu cầu sinh viên đính kèm Phụ lục Nhật ký tương tác, ghi lại các câu lệnh quan trọng đã sử dụng để giảng viên có thể đánh giá được quy trình tư duy của người học.

5.2. Phát triển các “AI trợ giảng” nội bộ tích hợp trên hệ thống LMS

Để nâng cao năng lực tự học của sinh viên một cách an toàn và có định hướng, Nhà trường cần ưu tiên phát triển hệ sinh thái “AI trợ giảng” được tích hợp trực tiếp vào hệ thống Quản lý học tập (LMS). Khác với các công cụ AI công cộng, giải pháp này tập trung vào việc xây dựng mô hình Truy xuất tri thức tăng cường, cho phép AI phản hồi dựa trên kho học liệu số hóa độc quyền của Trường Đại học Mở Hà Nội bao gồm giáo trình, bài giảng và kỹ yếu khoa học. Việc khu biệt nguồn dữ liệu không chỉ đảm bảo tính chính xác, sát thực với chương trình đào tạo mà còn thiết lập một «hành lang dữ liệu an toàn», ngăn chặn các rủi ro về thông tin sai lệch hoặc vi phạm bản quyền từ các nguồn bên ngoài.

Về mặt sư phạm, hệ sinh thái này được lập trình để vận hành theo phương pháp Giàn giáo kỹ thuật số. Thay vì cung cấp ngay đáp án cuối cùng, AI trợ giảng đóng vai trò là thực thể định hướng, đưa ra các gợi ý về phương pháp tư duy, các bước giải quyết vấn đề hoặc dẫn dắt sinh viên tìm đến các phân đoạn kiến thức cụ thể

trong học liệu số. Điều này đặc biệt quan trọng trong mô hình Blended Learning, giúp giải quyết bài toán hỗ trợ “thời gian thực” (24/7) khi sinh viên tự nghiên cứu trực tuyến, từ đó duy trì luồng tư duy liên tục và giảm thiểu cảm giác bị cô lập trong môi trường số.

Cùng với việc hỗ trợ người học, hệ thống còn cung cấp cho giảng viên công cụ giám sát thông minh thông qua bảng điều khiển. Dựa trên dữ liệu tổng hợp về các câu hỏi và hành vi tương tác của sinh viên với AI, giảng viên có thể nhận diện chính xác các “lỗ hổng tri thức” chung của lớp học để điều chỉnh trọng tâm trong các giờ thảo luận trực tiếp. Đồng thời, hệ thống tự động phân tích tần suất và tính chất các truy vấn để đưa ra cảnh báo sớm về các trường hợp sinh viên có dấu hiệu lệ thuộc quá mức vào công nghệ. Với lộ trình triển khai từ thí điểm các môn học đại cương đến mở rộng toàn diện cho các chuyên ngành đặc thù, giải pháp này không chỉ tối ưu hóa hạ tầng công nghệ sẵn có mà còn trực tiếp thúc đẩy sự hình thành năng lực tự chủ và đạo đức học thuật của sinh viên trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo.

5.3 Thiết lập khóa đào tạo kỹ năng tự học số và đạo đức AI cho sinh viên năm thứ nhất

Nhận diện giai đoạn chuyển giao từ giáo dục phổ thông sang đại học là thời điểm then chốt để hình thành phương pháp luận học tập, Nhà trường cần triển khai khóa học “Kỹ năng tự học trong kỷ nguyên AI” như một học phần bắt buộc trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa. Giải pháp này không chỉ dừng lại ở việc

hướng dẫn sử dụng công cụ, mà tập trung vào việc tái định nghĩa năng lực tự học thông qua sự kết hợp giữa tư duy phản biện và trí tuệ nhân tạo. Nội dung khóa học được cấu trúc theo lộ trình từ nhận thức đến hành động: khởi đầu bằng việc trang bị kiến thức về đạo đức học thuật và các nguyên tắc liêm chính trong kỷ nguyên số, giúp sinh viên xác lập ranh giới rõ ràng giữa việc “hỗ trợ học tập” và “vi phạm bản quyền”.

Trong giai đoạn thực hành, khóa học cần tập trung vào kỹ năng kỹ thuật cốt lõi là “Kỹ nghệ gợi ý” khả năng đặt câu hỏi và ra lệnh cho AI một cách khoa học để khai thác tối đa giá trị tri thức mà không làm thui chột tư duy độc lập. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ tóm tắt tài liệu, hệ thống hóa kiến thức và gợi mở các hướng tiếp cận vấn đề, thay vì coi đó là cỗ máy cung cấp đáp án cuối cùng. Đặc biệt, khóa học nhấn mạnh vào kỹ năng kiểm chứng thông tin, đào tạo sinh viên cách đối soát các phản hồi từ AI với các nguồn dữ liệu chính thống, từ đó hình thành thói quen hoài nghi khoa học và trách nhiệm cá nhân đối với sản phẩm học tập của mình. Việc tổ chức đào tạo ngay từ đầu khóa tạo ra một nền tảng đồng bộ về năng lực số cho toàn thể sinh viên, giúp các em thích ứng nhanh chóng với mô hình Blended Learning của Nhà trường. Khi sinh viên nắm vững cách thức tương tác có trách nhiệm với AI, các em sẽ tự tin hơn trong việc cá nhân hóa lộ trình học tập, biến AI thành một “giàn giáo kỹ thuật số” vững chắc để nâng cao hiệu quả tự nghiên cứu. Điều này không

chỉ giúp giảm tải áp lực thích nghi cho sinh viên năm nhất mà còn góp phần xây dựng một cộng đồng học tập liên chính, hiện đại, sẵn sàng đáp ứng những yêu cầu khắt khe của thị trường lao động trong tương lai.

5.4. Đổi mới phương thức kiểm tra - đánh giá theo hướng chú trọng tiến trình tư duy

Để thích ứng với sự hiện diện của trí tuệ nhân tạo trong học thuật, Nhà trường cần thực hiện bước chuyển chiến lược trong công tác kiểm tra - đánh giá: dịch chuyển trọng tâm từ đánh giá sản phẩm cuối cùng sang đánh giá toàn bộ tiến trình tư duy. Thay vì các bài tập lý thuyết thuần túy vốn dễ dàng được giải quyết bởi các công cụ AI, giảng viên cần thiết kế hệ thống bài tập tình huống và dự án học tập có tính cá nhân hóa cao. Những dạng bài tập này đòi hỏi sinh viên không chỉ đưa ra đáp án mà phải thuyết minh được lộ trình giải quyết vấn đề, từ khâu xác định giả thuyết, thu thập dữ liệu đến việc đối chiếu và biện luận các kết quả. Trong quy trình này, AI không còn là công cụ “làm hộ” mà trở thành đối tác hỗ trợ để sinh viên thực hiện các tác vụ phức tạp hơn, từ đó bộc lộ rõ năng lực phân tích và sáng tạo cá nhân.

Nhằm đảm bảo tính liên chính, phương thức đánh giá mới cần tích hợp yêu cầu sinh viên nộp kèm “Nhật ký học tập số”, trong đó ghi chép lại các tương tác quan trọng với AI. Sinh viên phải giải trình được lý do lựa chọn các câu lệnh, cách thức chọn lọc và kiểm chứng thông tin từ AI để đưa vào bài làm của mình. Việc này biến quá trình đánh giá thành

một buổi phản tư, giúp giảng viên quan sát được “vết tích” của tư duy độc lập và sự làm chủ công nghệ của người học. Đồng thời, Nhà trường nên tăng cường các hình thức đánh giá trực tiếp như thuyết trình, vấn đáp hoặc thảo luận nhóm tại lớp. Đây là những thời điểm then chốt để giảng viên kiểm chứng năng lực thực tế, đảm bảo rằng những kiến thức sinh viên thu nhận được trong giai đoạn tự học trực tuyến đã thực sự chuyển hóa thành kỹ năng và thái độ chuyên môn. Sự đổi mới này không chỉ giúp ngăn chặn các hành vi gian lận học thuật mà quan trọng hơn, nó tạo ra động lực để sinh viên tập trung vào giá trị của việc học thay vì chỉ chạy theo điểm số. Khi quy trình tư duy được công nhận và đánh giá tương xứng, sinh viên sẽ hình thành được thói quen tự giám sát và điều chỉnh hành vi học tập, những thành tố cốt lõi của năng lực tự học bền vững. Đây chính là lời giải cho bài toán đảm bảo chất lượng đào tạo trong mô hình Blended Learning, nơi AI được sử dụng như một “giàn giáo” để nâng tầm năng lực con người chứ không phải là phương tiện để thay thế trí tuệ.

VI. Kết luận và kiến nghị

6.1. Kết luận

Nghiên cứu đã làm rõ vai trò không thể phủ nhận của Trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc thúc đẩy năng lực tự học của sinh viên tại Trường Đại học Mở Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số. Qua quá trình phân tích lý thuyết kết nối và thực trạng khảo sát, bài viết rút ra một số kết luận chính sau:

Thứ nhất, AI không thay thế con người mà đóng vai trò là một “nút mạng”

thông minh, giúp sinh viên cá nhân hóa lộ trình học tập và vượt qua các rào cản về nhận thức trong mô hình Blended Learning. Việc sử dụng AI hiệu quả giúp chuyển đổi lớp học từ hình thức truyền thụ thụ động sang thảo luận phản biện, nâng cao tính chủ động của người học.

Thứ hai, năng lực tự học của sinh viên hiện nay không chỉ dừng lại ở việc đọc tài liệu mà còn bao gồm kỹ năng quản trị công cụ số. Tuy nhiên, ranh giới giữa hỗ trợ học tập và vi phạm đạo đức học thuật vẫn còn mong manh, đặc biệt là hiện tượng “ảo giác AI” và sự lệ thuộc quá mức của sinh viên năm cuối (57,6%).

Thứ ba, “AI có trách nhiệm” là từ khóa cốt lõi. Kỹ năng số trong kỷ nguyên mới không đơn thuần là thao tác kỹ thuật, mà là sự kết hợp giữa kỹ năng đặt câu hỏi, tư duy thẩm định thông tin và ý thức đạo đức nghề nghiệp.

6.2. Kiến nghị

Để hiện thực hóa việc nâng cao chất lượng đào tạo thông qua AI tại Trường Đại học Mở Hà Nội, tác giả đề xuất một số kiến nghị cụ thể:

Đối với Nhà trường

Hoàn thiện khung pháp lý: Sớm ban hành hướng dẫn về liên chính học thuật trong kỷ nguyên AI. Cần có quy định cụ thể về việc trích dẫn sản phẩm AI và sử dụng các phần mềm tầm soát đạo văn có tích hợp nhận diện nội dung tạo bởi máy để hỗ trợ giảng viên.

Xây dựng hệ sinh thái AI nội bộ: Ưu tiên phát triển các công cụ hỗ trợ học tập dựa trên kho dữ liệu học liệu chuẩn của HOU để đảm bảo sinh viên tiếp cận

nguồn tin cậy, giảm thiểu rủi ro từ các AI công cộng.

Đổi mới kiểm tra đánh giá: Dịch chuyển từ đánh giá kết quả sang đánh giá quá trình. Tăng cường các hình thức thi vấn đáp, xử lý tình huống thực tế và bài tập nhóm yêu cầu tư duy sáng tạo cao mà AI không thể sao chép hoàn toàn.

Đối với Giảng viên

Nâng cao năng lực dẫn dắt: Giảng viên cần trở thành những người điều phối mạng lưới học tập, hướng dẫn sinh viên cách đặt câu hỏi thông minh và cách đối soát tri thức.

Thiết kế học liệu tương tác: Xây dựng bài giảng trên LMS theo hướng gợi mở, kích thích sinh viên sử dụng AI để tìm kiếm thêm giải pháp thay vì cung cấp đáp án có sẵn.

Đối với Sinh viên

Chủ động rèn luyện kỹ năng số: Coi việc làm chủ AI là một lợi thế cạnh tranh trên thị trường lao động tương lai. Sinh viên cần rèn luyện thói quen tư duy độc lập: AI gợi ý, con người thẩm định và quyết định.

Tuân thủ đạo đức học thuật: Xây dựng bản lĩnh chính trị và lòng tự trọng nghề nghiệp, coi AI là bàn đạp để phát triển trí tuệ cá nhân chứ không phải là công cụ để gian lận hay lười biếng tư duy.

Tóm lại, việc tích hợp AI có trách nhiệm vào mô hình Blended Learning tại Trường Đại học Mở Hà Nội là một bước đi chiến lược, phù hợp với xu thế giáo dục mở toàn cầu. Khi có sự phối hợp đồng bộ giữa chính sách của Nhà trường, sự định hướng của giảng viên và ý thức tự giác của

sinh viên, AI sẽ thực sự trở thành công cụ đắc lực để khai phóng tiềm năng tự học và kiến tạo những thế hệ công dân số ưu tú.

Tài liệu tham khảo

Garrison, D. R., & Kanuka, H. (2004). Blended learning: Uncovering its transformative potential in higher education. *The Internet and Higher Education*, 7(2), 95-105. <https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2004.02.001>

OECD. (2019). *Scoping the OECD AI principles: Deliberations of the expert group on artificial intelligence at the OECD (AIGO)* (OECD Digital Economy Papers, No. 291). OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/d1c40b64-en>

UNESCO. (2021). *Recommendation on the ethics of artificial intelligence*. UNESCO Publishing. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000381115>

ENHANCING STUDENTS' SELF-DIRECTED LEARNING CAPACITY THROUGH RESPONSIBLE ARTIFICIAL INTELLIGENCE USE IN THE BLENDED LEARNING MODEL AT HANOI OPEN UNIVERSITY

Le Thi Thuy Nga¹

Abstract: *In the digital era, the Blended Learning model at Hanoi Open University requires learners to have a high self-study capacity to adapt to technological changes. This paper analyzes the role of Artificial Intelligence (AI) as a catalyst for promoting self-directed learning. Through a combination of theoretical synthesis and a survey of 200 students in March 2026, the study clarifies the boundary between leveraging technology tools and ensuring academic ethics. The results show that AI acts as a “link” between self-study of digital materials and applying knowledge in discussions. Based on these findings, the article proposes a system of solutions to build a safe and responsible AI environment, contributing to improving the University’s training quality in the context of comprehensive digital transformation.*

Keywords: *academic ethics, Blended Learning, digital skills, directed self-study, responsible AI*

¹ Trade Union University, Hanoi, Vietnam